

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Chương trình ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh Ninh Thuận đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Quyết định số 696/QĐ-TTg ngày 25/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;*

*Căn cứ Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 1747/QĐ-TTg ngày 13/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch tổng thể nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021- 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”;*

*Căn cứ Quyết định 1322/QĐ-TTg ngày 31/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-TTg ngày 01/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình sản phẩm quốc gia đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 118/QĐ-TTg ngày 25/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 188/QĐ-TTg ngày 09/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025;*

*Thực hiện Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 10/01/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Ninh Thuận khóa XIV về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;*

*Thực hiện Nghị quyết số 36/2022/NQ-HĐND ngày 22/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận khóa XI, kỳ họp thứ 7 về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 1116/TTr-SKHCCN ngày 14/8/2022.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành “Chương trình ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh Ninh Thuận đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, với những nội dung chính như sau:

1. Mục tiêu tổng thể: Tổ chức triển khai thực hiện Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030; Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 10/01/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Ninh Thuận khóa XIV về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 36/2022/NQ-HĐND ngày 22/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận khóa XI, kỳ họp thứ 7 về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

2. Mục tiêu cụ thể:

a) Giai đoạn đến năm 2025:

Kiến thiết, xây dựng và triển khai thực hiện các nhiệm vụ cụ thể thuộc các

Chương trình ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm:

- Đẩy mạnh ứng dụng, làm chủ và cải tiến công nghệ, nhất là công nghệ cao, công nghệ sạch, thành tựu của cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào các lĩnh vực của đời sống xã hội, tạo ra chuyển biến đột phá về năng suất, chất lượng sản phẩm, khả năng cạnh tranh của hàng hóa, phát triển doanh nghiệp trở thành trung tâm của đổi mới sáng tạo; nâng cao mức sống vật chất và tinh thần cho nhân dân; bảo vệ môi trường sinh thái; phát huy giá trị văn hóa, con người Việt Nam và sức mạnh thời đại, huy động mọi nguồn lực, phát triển nhanh và bền vững.

- Đến năm 2025, nâng cao đóng góp của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo vào tăng trưởng thông qua năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP), đóng góp 44-45% vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh; tốc độ tăng năng suất lao động bình quân hàng năm 10-11%.

#### b) Giai đoạn đến năm 2030:

Tiếp tục phát triển Chương trình ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ở tầm cao hơn:

- Tiếp tục phát triển năng lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, hình thành được năng lực và tạo ra những công nghệ mới, nâng cao được năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa có giá trị cao tiêu thụ trong nước và xuất khẩu; khoa học xã hội và nhân văn góp phần quan trọng vào sự phát triển bền vững của tỉnh.

- Chỉ tiêu yếu tố năng suất tổng hợp (TFP) đạt mức trên trung bình của cả nước; hệ thống khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực sự làm nền tảng và động lực cho chuyển đổi mô hình tăng trưởng của tỉnh.

#### 3. Chỉ tiêu đến năm 2025:

- Nhân lực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đạt 14 người trên một vạn dân; trong đó chú trọng phát triển nhân lực trong khu vực doanh nghiệp. Hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ được cơ cấu lại gắn với định hướng ưu tiên phát triển của tỉnh theo hướng tự chủ, liên kết, tiếp cận chuẩn mực quốc gia.

- 150 doanh nghiệp trong tỉnh được hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ; hỗ trợ 15% doanh nghiệp sản xuất, dịch vụ tiến hành đổi mới công nghệ trong một năm; 2-3 doanh nghiệp làm chủ công nghệ tiên tiến trong sản xuất các sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm.

- 30% doanh nghiệp được tập huấn, phổ biến kiến thức về năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; số doanh nghiệp được hỗ trợ các giải pháp nâng cao năng suất và chất lượng, hàng hóa hàng năm tăng từ 10-15%.

- Số lượng đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích mới: 8-10 đơn; đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp mới: 13-15 đơn; đơn đăng ký nhãn hiệu: Tăng trung bình 13-15%/năm. Tối thiểu 40% sản phẩm đặc thù, sản phẩm OCOP của

tỉnh được hỗ trợ đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu thông thường; hỗ trợ bảo vệ, khai thác, kiểm soát nguồn gốc và chất lượng sau khi được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm đặc thù, sản phẩm OCOP: 12 đối tượng; tuyên truyền, tập huấn về sở hữu trí tuệ, quản trị tài sản trí tuệ cho tối thiểu 1.000 lượt người tham gia.

- Hỗ trợ hình thành 03 câu lạc bộ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; triển khai 03 khóa đào tạo 100 người khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, các nhà đầu tư khởi nghiệp tiềm năng; hỗ trợ phát triển 05 dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; hỗ trợ phát triển 03 doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, công nhận 2 - 3 doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

- Hỗ trợ 100% các doanh nghiệp có nhu cầu tìm kiếm công nghệ, kết nối với đối tác trong nước và ngoài nước hoặc tham gia sàn giao dịch, hội chợ quốc gia.

4. Các Chương trình ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, gồm:

a) Chương trình nâng cao năng lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo:

- Mục tiêu: Tập trung kiện toàn và phát triển các tổ chức khoa học và công nghệ của tỉnh; tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp chuyển giao, đổi mới, hoàn thiện công nghệ hiện đại, thông minh, tiết kiệm nhiên liệu, thân thiện môi trường; đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ phục vụ chuyển giao, đổi mới, hoàn thiện công nghệ.

- Nội dung:

+ Kiện toàn các tổ chức khoa học và công nghệ và dịch vụ kỹ thuật; đầu tư phát triển Trung tâm Thông tin Ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ làm cơ sở ươm tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh; hỗ trợ phát triển các tổ chức nghiên cứu và phát triển, chuyển giao công nghệ, các cơ sở đo lường, kiểm định chất lượng của tỉnh.

+ Tổ chức đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ của tỉnh có trình độ tiên tiến, hiện đại về công nghệ cao, công nghệ số; hỗ trợ đào tạo nhân lực quản trị công nghệ và đội ngũ kỹ thuật viên của doanh nghiệp.

+ Tiến hành các nghiên cứu, ứng dụng, làm chủ các công nghệ tiên tiến để hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao tính năng, chất lượng sản phẩm, đổi mới thiết bị, dây chuyền, quy trình công nghệ tạo ra các sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp nhận, chuyển giao, nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm, ứng dụng công nghệ mới, công nghệ tiên tiến; sản xuất sản phẩm mới và đổi mới quy trình công nghệ để tạo ra các sản phẩm có sức tiêu thụ lớn, chiếm lĩnh thị trường trong nước và nước ngoài.

+ Thúc đẩy hoạt động hợp tác giữa doanh nghiệp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ để tìm kiếm, chuyển giao, ứng dụng, làm chủ, giải mã các công nghệ mới, công nghệ tiên tiến.

b) Chương trình ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng công nghệ phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp thông minh:

- Mục tiêu: Lựa chọn một số sản phẩm nông nghiệp đặc thù, có tiềm năng và lợi thế cạnh tranh để tập trung nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ phát triển thành các sản phẩm chủ lực; hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ xây dựng các vùng, cánh đồng lớn ứng dụng công nghệ cao, sản xuất hữu cơ gắn với chế biến, xây dựng thương hiệu, mở rộng thị trường xuất khẩu; đẩy mạnh nhân rộng mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi; thúc đẩy đầu tư đổi mới công nghệ để Ninh Thuận thành trung tâm sản xuất tôm giống có chất lượng cao của cả nước; ứng dụng công nghệ cao để phát triển nuôi tôm công nghiệp và các đối tượng có lợi thế khác; nghiên cứu cơ sở khoa học, giải pháp nuôi hải sản tầng biển sâu.

- Nội dung:

+ Tập trung nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng các loại giống cây trồng vật nuôi đặc thù, có năng suất chất lượng cao, ổn định và lợi thế cạnh tranh; phòng trừ các loại sâu, bệnh trên cây, con, nhất là tôm giống; phân loại đất, cải tạo đất làm cơ sở cho sản xuất nông nghiệp thích hợp; chế biến, bảo quản sau thu hoạch, vận chuyển, cung ứng các sản phẩm nông lâm thủy sản đặc thù, thế mạnh của tỉnh.

+ Nghiên cứu, ứng dụng quy trình, kỹ thuật canh tác, cơ khí hóa, tự động hóa tưới tiêu, làm đất, bón phân; nhà kính, nhà lưới; sản xuất nông, lâm, thủy sản kết hợp với du lịch sinh thái, xử lý môi trường, chất thải.

+ Nghiên cứu, tổ chức các cơ sở sản xuất theo hướng ứng dụng công nghệ số trong sản xuất và quản lý, nhất là các cơ sở sản xuất tôm giống; nghiên cứu các giải pháp xúc tiến xây dựng, quảng bá thương hiệu.

c) Chương trình ứng dụng, chuyển giao, đổi mới công nghệ trong các ngành công nghiệp chủ đạo của tỉnh; ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ phát triển du lịch, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu:

- Mục tiêu: Đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, tận dụng có hiệu quả thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; ứng dụng, chuyển giao các công nghệ cao trong các ngành công nghiệp chủ đạo của tỉnh: Công nghiệp năng lượng (điện gió, điện mặt trời, điện khí, thủy điện tích năng); cảng biển, đóng tàu; công nghiệp chế biến, chế tạo; công nghiệp phụ trợ; công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản-vật liệu xây dựng... ; ứng dụng công nghệ số trong quản trị du lịch và nghiên cứu đa dạng hóa các sản phẩm du lịch; ứng dụng công nghệ hiện đại, tiên tiến trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Nội dung:

+ Tăng cường năng lực đánh giá, thẩm định, lựa chọn các công nghệ hiện đại, công nghệ tiên tiến nhằm đảm bảo công nghệ được lựa chọn phù hợp với điều kiện phát triển của Ninh Thuận; nghiên cứu chế biến sâu trong lĩnh vực nông, lâm, thủy sản nhằm khai thác thế mạnh về sản xuất các sản phẩm đặc thù

phục vụ tiêu dùng trong nước và tiến tới xuất khẩu (sản phẩm từ nhỏ); nghiên cứu giải pháp thăm dò, khảo sát, đánh giá tiềm năng, nâng cao hiệu quả khai thác gắn với chế biến sâu các tài nguyên khoáng sản biển, khoáng sản biển sâu, đặc biệt là các khoáng sản có trữ lượng lớn, giá trị cao; hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp nhằm nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa đạt tiêu chuẩn xuất khẩu, nhất là sản phẩm công nghiệp chế biến; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm phát triển các sản phẩm ngành tiểu thủ công nghiệp, làng nghề truyền thống có giá trị cao và gắn với phát triển du lịch.

+ Tiến hành các nghiên cứu liên ngành để phát triển các sản phẩm du lịch đặc trưng tỉnh Ninh Thuận; ứng dụng chuyển đổi số trong hoạt động du lịch, xúc tiến, quảng bá, quản lý khách du lịch; khuyến khích các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân nghiên cứu phát triển các sản phẩm du lịch đặc thù, mới, dịch vụ du lịch bổ sung mang nét đặc trưng riêng của tỉnh.

+ Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng khoa học và công nghệ tiên tiến, hiện đại trong công tác quản lý bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cải tiến, đổi mới trang thiết bị, công nghệ, sản xuất sản phẩm mới theo hướng giảm phát thải ô nhiễm, thân thiện với môi trường; nghiên cứu, điều tra đánh giá về nguồn lợi, hệ sinh thái; phục hồi, bảo vệ đa dạng sinh học tại Khu dự trữ sinh quyển thế giới Núi Chúa; các giải pháp tái sinh, phục hồi rừng, làm giàu rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo đảm phát triển bền vững; triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, tài nguyên và môi trường; phát triển các mô hình sản xuất ít phát thải khí nhà kính.

d) Chương trình nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn; chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cộng đồng:

- Mục tiêu: Đẩy mạnh các nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn nhằm phục vụ cho việc hoạch định các chính sách và công tác quản lý phát triển về kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh - quốc phòng của tỉnh; nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu y học tiên tiến trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

- Nội dung:

+ Nghiên cứu các vấn đề về chuyển đổi mô hình kinh tế, mô hình nông thôn mới, các cơ chế, chính sách quản lý phát triển kinh tế - xã hội (xóa đói, giảm nghèo; đào tạo nghề; giải quyết việc làm...), xây dựng hệ thống chính trị; chính sách khoa học và công nghệ; bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hóa; nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn các vấn đề về xây dựng đời sống văn hóa cơ sở; xây dựng gia đình văn hóa mới; ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật và công nghệ hiện đại trong sản xuất, phổ biến, lưu giữ các sản phẩm văn hóa, nghệ thuật; nghiên cứu về an ninh - trật tự, tâm lý dân cư, sắc tộc, tôn giáo và giáo dục.

+ Nghiên cứu, ứng dụng một số bài thuốc dân gian; nghiên cứu lĩnh vực phòng bệnh, ứng dụng các công nghệ, kỹ thuật cao trong khám chữa bệnh, bảo

vệ sức khỏe cộng đồng; nghiên cứu bảo tồn, phát triển các loại cây dược liệu tiềm năng trên địa bàn tỉnh hướng đến mục tiêu làm nguyên liệu sản xuất thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng.

đ) Chương trình nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa, dịch vụ thương mại:

- Mục tiêu: Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên cơ sở áp dụng các giải pháp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, góp phần nâng cao tỷ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh (GRDP).

- Nội dung:

+ Tăng cường công tác thông tin, truyền thông phổ biến về hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất và chất lượng; chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm, hướng dẫn doanh nghiệp áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng cơ bản; áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng đặc thù cho ngành, lĩnh vực và tiêu chuẩn về các hệ thống quản lý mới.

+ Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa; áp dụng thực hành nông nghiệp tốt (G.A.P); thực hành sản xuất nông nghiệp hữu cơ, năng suất xanh; ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số để thiết lập, tối ưu hóa, hiện đại hóa hệ thống quản trị doanh nghiệp; áp dụng tiêu chuẩn, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh; chứng nhận sản phẩm hàng hóa, chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm, môi trường, năng lượng; an toàn và sức khỏe nghề nghiệp; chứng nhận hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế.

+ Đào tạo nhân lực cho hoạt động nâng cao năng suất và chất lượng (chuyên gia về năng suất và chất lượng; năng lực thử nghiệm chất lượng, an toàn và sinh thái của sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu... ).

e) Chương trình phát triển tài sản trí tuệ, bảo hộ sở hữu trí tuệ các sản phẩm hàng hóa, thương hiệu:

- Mục tiêu: Phát triển hệ thống sở hữu trí tuệ đồng bộ, hiệu quả ở tất cả các khâu sáng tạo, xác lập, khai thác và bảo vệ, thực thi quyền sở hữu trí tuệ, tạo môi trường đổi mới sáng tạo, tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, hình thành văn hóa sở hữu trí tuệ đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, đưa sở hữu trí tuệ trở thành công cụ mạnh, thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Nội dung:

+ Hướng dẫn doanh nghiệp, hiệp hội, hợp tác xã tạo dựng và khai thác hiệu quả các chỉ dẫn thương mại cho sản phẩm, dịch vụ; hỗ trợ đăng ký bảo hộ các chỉ dẫn địa lý tiềm năng cho các sản phẩm đặc thù; hỗ trợ đăng ký bảo hộ

các đối tượng sở hữu trí tuệ (sản phẩm đặc thù, chủ lực, OCOP; tổ chức khoa học công nghệ, doanh nghiệp khoa học công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo...).

+ Hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa phát triển sản phẩm, dịch vụ có mức độ sử dụng tài sản trí tuệ cao, tạo ra các sản phẩm, dịch vụ có uy tín và chất lượng, thúc đẩy sản xuất hàng hóa có hàm lượng sở hữu trí tuệ cao; sử dụng công cụ sở hữu trí tuệ trong hoạt động sản xuất kinh doanh; khai thác, phân tích thông tin sáng chế phục vụ cho việc lựa chọn công nghệ phù hợp; tham gia mạng lưới chuyên gia công nghệ và sở hữu trí tuệ với các viện nghiên cứu, trường đại học trên cả nước nhằm thúc đẩy việc tạo ra và khai thác tài sản trí tuệ.

+ Hỗ trợ bảo vệ, khai thác tài sản trí tuệ, đặc biệt là đối với các sản phẩm đặc thù và sản phẩm tiềm năng hướng đến sản phẩm đặc thù của tỉnh; hỗ trợ kết nối cung cầu, hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá, giới thiệu sản phẩm nhằm quảng bá, tìm kiếm và mở rộng thị trường.

+ Tăng cường quản lý, khai thác, phát triển chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận đã được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và sản phẩm đã được chứng nhận OCOP gắn với đăng ký mã số vùng trồng, an toàn thực phẩm, chứng nhận chất lượng và xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm được bảo hộ; thúc đẩy phát triển các dịch vụ hỗ trợ về sở hữu trí tuệ.

g) Chương trình phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và doanh nghiệp khoa học và công nghệ:

- Mục tiêu: Tạo lập môi trường thuận lợi để thúc đẩy, hỗ trợ quá trình hình thành và phát triển loại hình doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác kết quả khoa học và công nghệ, tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới; doanh nghiệp khoa học và công nghệ tại tỉnh.

- Nội dung:

+ Xây dựng công thông tin khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh; kiện toàn Trung tâm Thông tin Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ Trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh với chức năng tư vấn thương mại hóa kết quả nghiên cứu, quản trị tài sản trí tuệ; cung cấp dịch vụ ươm tạo công nghệ; cung cấp dịch vụ hỗ trợ các bên xác định giá trị của kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ; nâng cao năng lực về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho các thành phần trong hệ sinh thái; cung cấp dịch vụ hỗ trợ quản trị sản xuất - kinh doanh cho các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

+ Tạo điều kiện, hỗ trợ các cá nhân, nhóm cá nhân có năng lực khoa học và công nghệ hoặc có khả năng khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới xúc tiến triển khai đề án thành lập doanh nghiệp đổi mới sáng tạo; duy trì, phát triển doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, công nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ; kết nối, giới thiệu các nhà khởi nghiệp đổi mới sáng tạo với các quỹ phát triển khoa học và công nghệ, quỹ đầu tư mạo hiểm, doanh nghiệp, qua đó để tìm kiếm cơ hội thu hút đầu tư, hỗ trợ tài chính từ các quỹ, các



nhà đầu tư cho các nhà khởi nghiệp; tổ chức đào tạo, tập huấn và thúc đẩy kết nối doanh nghiệp.

+ Triển khai các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh, theo đó hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong khai thác quyền sở hữu trí tuệ, rút ngắn quá trình thương mại hóa, ứng dụng kết quả nghiên cứu vào sản xuất, kinh doanh; hỗ trợ doanh nghiệp về ưu đãi tín dụng cho nghiên cứu và phát triển và sản xuất kinh doanh; giao tài sản là kết quả khoa học và công nghệ hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước theo quy định; hỗ trợ hoạt động nghiên cứu, thương mại hóa kết quả hoạt động khoa học và công nghệ; hỗ trợ, khuyến khích ứng dụng, đổi mới công nghệ.

h) Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ:

- Mục tiêu: Nâng cao giá trị giao dịch hàng hóa khoa học và công nghệ, trong đó chú trọng nâng cao tỷ trọng giao dịch tài sản trí tuệ; thúc đẩy phát triển năng lực công nghệ bên cung và bên cầu; đẩy mạnh hoạt động giao dịch, môi giới, trung gian công nghệ.

- Nội dung:

+ Đánh giá nhu cầu công nghệ của doanh nghiệp, triển khai nhanh các cơ chế, chính sách của nhà nước thúc đẩy doanh nghiệp tham gia thị trường khoa học và công nghệ; chính sách thương mại hóa, đưa nhanh kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ vào sản xuất, kinh doanh.

+ Đẩy mạnh hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng, tìm kiếm, lựa chọn, tiếp nhận công nghệ; nhập khẩu, thu hút các công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch từ các nước phát triển, trước hết trong một số lĩnh vực công nghiệp/ngành hàng xuất khẩu chủ lực; thúc đẩy hợp tác doanh nghiệp - viện, trường theo hướng đặt hàng, chuyển giao công nghệ; cơ cấu lại các chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo hướng lấy doanh nghiệp làm trung tâm, gắn với chuỗi giá trị sản phẩm, tạo giá trị gia tăng cao.

+ Hỗ trợ thương mại hoá kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ; ưu tiên hỗ trợ các kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp chủ lực, nông nghiệp công nghệ cao, phục vụ yêu cầu phát triển vùng nông thôn, dân tộc; đẩy mạnh tổ chức và tham gia các sự kiện xúc tiến thị trường khoa học và công nghệ quy mô vùng, quốc gia và quốc tế; quảng bá thị trường khoa học công nghệ; lồng ghép, phối hợp với các sự kiện xúc tiến thương mại và đầu tư; hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có công nghệ mới công bố, trình diễn, giới thiệu, tham gia chợ, hội chợ công nghệ trong và ngoài nước.

+ Phát triển Trung tâm Thông tin Ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ thực hiện tốt chức năng hỗ trợ giao dịch, tìm kiếm kết nối cung-cầu công nghệ giữa các doanh nghiệp của tỉnh với các đối tác trong và ngoài nước.

## 5. Các giải pháp chủ yếu:

a) Nâng cao nhận thức về vai trò của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo:

Tiếp tục đẩy mạnh quán triệt, tuyên truyền nâng cao nhận thức cho các cấp chính quyền, doanh nghiệp và quần chúng nhân dân về vai trò nòng cốt của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng, tập trung phát triển kinh tế - xã hội theo chiều sâu; huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị, của doanh nghiệp và người dân tham gia phát triển ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

b) Huy động các nguồn lực thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo:

- Về tổ chức khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: Hợp tác, liên kết, thu hút để huy động tối đa nguồn lực tổng hợp của mạng lưới các tổ chức khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong tỉnh, ngoài tỉnh và của Trung ương tham gia thực hiện nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh; khuyến khích phát triển, nâng cao năng lực các tổ chức khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh trong tham gia các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh; xây dựng và phát triển các tổ chức dịch vụ, trung gian, môi giới trong hoạt động khoa học và công nghệ; đẩy mạnh hoạt động kết nối cung - cầu; cung cấp thông tin công nghệ.

- Về nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: Phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ chất lượng cao, trang bị cho lực lượng lao động có kỹ năng, kiến thức về công nghệ tiên tiến, thành quả của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; đẩy mạnh thu hút các chuyên gia, nhân lực khoa học và công nghệ trình độ cao làm việc tại các cơ sở khoa học và công nghệ, doanh nghiệp của tỉnh.

- Về nguồn lực thực hiện: Đảm bảo kinh phí của tỉnh chi hằng năm cho nhiệm vụ ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của địa phương đạt từ 0,5 - 1,0% tổng chi thường xuyên và bố trí nâng dần tỷ lệ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ của địa phương đến năm 2025 đạt tỷ lệ 1% tổng chi thường xuyên của tỉnh (theo Nghị quyết của Tỉnh ủy và Hội đồng nhân dân tỉnh đề ra). Đẩy mạnh hợp tác, đối tác công - tư trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, đầu tư phát triển hạ tầng cơ sở khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh; huy động nguồn lực ngoài ngân sách đầu tư cho nghiên cứu - phát triển, ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất, kinh doanh của tỉnh; triển khai cơ chế liên kết, hợp tác viện, trường và doanh nghiệp để thúc đẩy đầu tư vốn cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tạo cơ chế khuyến khích doanh nghiệp tăng cường đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thành lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ; lồng ghép, kết hợp, thu hút nguồn lực từ các chương trình phát triển kinh tế - xã hội quốc gia; các quỹ quốc gia về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; vốn khuyến công,

khuyến nông; các nguồn vốn viện trợ phi chính phủ và các nguồn vốn khác để đầu tư, tài trợ cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh.

- Về hợp tác quốc tế, trong nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: Hợp tác với các tổ chức quốc tế, các nước trong khu vực để nghiên cứu, tiếp nhận chuyển giao các công nghệ mới mà tỉnh và trong nước chưa có thông qua con đường viện trợ hoặc thương mại; đẩy mạnh liên kết, hợp tác giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước để tiếp thu công nghệ, sản xuất các phụ kiện cho sản xuất... ; thúc đẩy hoạt động hợp tác về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giữa tỉnh Ninh Thuận với các tổ chức khoa học và công nghệ; các cơ quan quản lý về khoa học và công nghệ thông qua ký kết các biên bản ghi nhớ, hợp tác.

c) Xây dựng, thực hiện cơ chế, chính sách đặc thù:

Nghiên cứu các quy định của Trung ương để xây dựng các cơ chế, định mức kinh tế - kỹ thuật phù hợp với điều kiện đặc thù theo thẩm quyền của tỉnh nhằm áp dụng phù hợp, hiệu quả cho quá trình triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; giải pháp cơ chế, chính sách để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khoa học, công nghệ đáp ứng yêu cầu đổi mới sáng tạo, đóng vai trò là lực lượng then chốt và nền tảng cho quá trình phát triển. Xây dựng và ban hành kịp thời các cơ chế, chính sách để đặt hàng nghiên cứu, khuyến khích đẩy mạnh ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ; cơ chế, chính sách để thực hiện hiệu quả các chương trình, nhiệm vụ ưu tiên, có tính đặc thù.

d) Về tổ chức chỉ đạo, quản lý, triển khai:

- Thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình (làm việc theo chế độ kiêm nhiệm), gồm Trưởng ban là Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh; Phó Trưởng ban thường trực là Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; các Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; các thành viên: Lãnh đạo các Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công thương; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Y tế; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Thông tin và Truyền thông; UBND các huyện, thành phố.

- Thành lập các Tổ công tác tham mưu, giúp việc Ban Chỉ đạo xây dựng và triển khai Chương trình (sau đây gọi là Tổ công tác, làm việc theo chế độ kiêm nhiệm), tương ứng với 08 Chương trình ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; phân công các Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ làm Tổ trưởng; cử đại diện của các Sở, ngành tương ứng tham gia Tổ công tác.

- Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo, có trách nhiệm tham mưu toàn diện cho Trưởng Ban chỉ đạo trong chỉ đạo, điều hành, ban hành quy chế hoạch động của Ban Chỉ đạo, Tổ công tác; đảm bảo các điều kiện hoạt động, chuẩn bị nội dung chương trình làm việc, báo cáo kết quả hoạt động của Ban Chỉ đạo, Tổ công tác; tổng hợp, làm đầu mối điều phối chung các hoạt động của Ban Chỉ đạo, Tổ công tác; phân công cho các bộ phận, đơn vị

trực thuộc làm lực lượng nòng cốt trong triển khai hoạt động của các Tổ công tác.

#### 6. Nguồn vốn thực hiện:

a) Ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ của địa phương: Đảm bảo kinh phí của tỉnh chi hằng năm cho nhiệm vụ ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của địa phương đạt từ 0,5 - 1,0% tổng chi thường xuyên và bố trí nâng dần tỷ lệ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ của địa phương đến năm 2025 đạt tỷ lệ 1% tổng chi thường xuyên của tỉnh.

b) Ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ của Trung ương.

c) Nguồn vốn hợp pháp khác.

*(Đính kèm phụ lục chi tiết kinh phí thực hiện đến năm 2025).*

#### **Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình và các Tổ công tác tham mưu, giúp việc Ban Chỉ đạo; tổ chức triển khai thực hiện Chương trình; định kỳ hàng năm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện Chương trình.

2. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Ninh Thuận đẩy mạnh thông tin tuyên truyền về Chương trình; các Sở, ban ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố thuộc tỉnh; Liên hiệp các Hội khoa học kỹ thuật tỉnh cần tăng cường nâng cao nhận thức đầy đủ trong cơ quan, đơn vị, địa phương, hội thành viên mình về vai trò của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đối với quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng của kinh tế-xã hội phát triển theo chiều sâu; tổ chức triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế-xã hội.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ và các Sở, ngành liên quan tham mưu lồng ghép công tác phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ chất lượng cao; thu hút các chuyên gia, nhân lực khoa học và công nghệ trình độ cao trong các chương trình hành động, đề án, kế hoạch của Ủy ban triển khai Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 10/01/2022 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực các ngành kinh tế trọng điểm của tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; đầu tư phát triển hạ tầng cơ sở khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh.

4. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Khoa học và Công nghệ và các Sở, ngành liên quan tham mưu bố trí kinh phí của tỉnh chi hằng năm cho nhiệm vụ ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của địa phương đạt từ 0,5 - 1,0% tổng chi thường xuyên và bố trí nâng dần tỷ lệ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ của địa phương đến năm 2025 đạt tỷ lệ 1% tổng chi thường xuyên của tỉnh. Huy động nguồn lực

ngoài ngân sách và từ các chương trình phát triển kinh tế-xã hội quốc gia đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố cân đối ngân sách địa phương để triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

5. Các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Liên hiệp các Hội khoa học kỹ thuật tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện của ngành, đơn vị, địa phương mình; định kỳ hằng năm báo cáo kết quả thực hiện trước ngày 05/11; đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Khoa học và Công nghệ) các nhiệm vụ của ngành, đơn vị, địa phương để tổ chức triển khai thực hiện Chương trình; tạo môi trường, điều kiện thuận lợi để thu hút các doanh nghiệp tham gia thực hiện.

6. Các tổ chức khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc tỉnh đề xuất, xây dựng các phương án, giải pháp kiến toàn và phát triển tổ chức trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực: TU, HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- MTTQ và các tổ chức chính trị xã hội;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo tỉnh ủy;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh;
- Liên hiệp các Hội KH&KT tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: LĐ, KTTH;
- Lưu: VT. ĐN

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Huyền**

PHỤ LỤC

Dự kiến kinh phí thực hiện Chương trình ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo  
của tỉnh Ninh Thuận đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên Chương trình	Đề xuất theo các Chương trình	Số nhiệm vụ TW		Số nhiệm vụ ĐP		Tổng kinh phí thực hiện		Trong đó					
			Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa	SNKHTW		SNKHDP		Nguồn vốn khác	
									Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
I	<b>Chương trình nâng cao năng lực khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo</b>		4	8	5	13	69,000	192,000	15,000	30,000	8,000	46,000	46,000	116,000
1	Kiện toàn các tổ chức KH&CN và dịch vụ kỹ thuật; đầu tư phát triển Trung tâm Thông tin - Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ làm cơ sở ương tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh; hỗ trợ phát triển các tổ chức NC&PT, chuyển giao công nghệ, các cơ sở đo lường, kiểm định chất lượng của tỉnh.	Đầu tư công	0	0	0	3	0,000	60,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	60,000
2	Tổ chức đào tạo nhân lực KH&CN của tỉnh có trình độ KH&CN tiên tiến, hiện đại đại về công nghệ cao, công nghệ số; hỗ trợ đào tạo nhân lực quản trị công nghệ và đội ngũ kỹ thuật viên của doanh nghiệp.		0	0	0	0	20,000	35,000	0,000	0,000	0,000	30,000	20,000	5,000

STT	Tên Chương trình	Đề xuất theo các Chương trình	Số nhiệm vụ TW		Số nhiệm vụ ĐP		Tổng kinh phí thực hiện		Trong đó					
			Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa	SNKHTW		SNKHDP		Nguồn vốn khác	
									Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
3	Tiến hành các nghiên cứu, ứng dụng, làm chủ các công nghệ tiên tiến để hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao tính năng, chất lượng sản phẩm, đổi mới thiết bị, dây chuyền, quy trình công nghệ tạo ra các sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp nhận, chuyển giao, nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm, ứng dụng công nghệ mới, công nghệ tiên tiến; sản xuất sản phẩm mới và đổi mới quy trình công nghệ để tạo ra các sản phẩm có sức tiêu thụ lớn, chiếm lĩnh thị trường trong nước và nước ngoài.	Hỗ trợ ĐMCN, Độc lập cấp nhà nước, Hỗ trợ DN, cấp tỉnh	4	8	5	10	47,000	95,000	15,000	30,000	7,000	15,000	25,000	50,000
4	Thúc đẩy hoạt động hợp tác giữa doanh nghiệp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ để tìm kiếm, chuyển giao, ứng dụng, làm chủ, giải mã các công nghệ mới, công nghệ tiên tiến.		0	0	0	0	2,000	2,000	0,000	0,000	1,000	1,000	1,000	1,000
<b>II</b>	<b>Chương trình ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng công nghệ phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp thông minh</b>		<b>4</b>	<b>8</b>	<b>12</b>	<b>23</b>	<b>106,700</b>	<b>212,300</b>	<b>30,000</b>	<b>60,000</b>	<b>12,700</b>	<b>25,300</b>	<b>64,000</b>	<b>127,000</b>
1	Tập trung nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng các loại giống cây trồng vật nuôi có năng suất chất lượng cao, ổn định, giá trị gia tăng cao phù hợp điều kiện của tỉnh; phòng trừ các loại sâu, bệnh trên cây, con, nhất là tôm giống; phân loại đất, cải tạo đất làm cơ sở cho sản xuất nông nghiệp thích hợp; chế biến, bảo quản sau thu hoạch, vận chuyển, cung ứng các sản phẩm nông lâm thủy sản đặc thù, thế mạnh của tỉnh.	Cấp thiết phát sinh, Độc lập cấp nhà nước, Cấp tỉnh	3	6	6	12	68,000	136,000	24,000	48,000	10,000	20,000	34,000	68,000

STT	Tên Chương trình	Đề xuất theo các Chương trình	Số nhiệm vụ TW		Số nhiệm vụ ĐP		Tổng kinh phí thực hiện		Trong đó					
			Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa	SNKHTW		SNKHDP		Nguồn vốn khác	
									Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
2	Nghiên cứu, ứng dụng quy trình, kỹ thuật canh tác, cơ khí hóa, tự động hóa tưới tiêu, làm đất, bón phân; nhà kính, nhà lưới; sản xuất nông lâm thủy sản kết hợp với du lịch sinh thái, xử lý môi trường, chất thải.	Cấp nhà nước, địa phương	1	2	1	2	31,700	62,500	6,000	12,000	1,700	3,500	24,000	47,000
3	Tổ chức lại các cơ sở sản xuất theo hướng ứng dụng công nghệ số trong sản xuất và quản lý, nhất là các cơ sở sản xuất tôm giống; xúc tiến xây dựng, quảng bá thương hiệu.	Hỗ trợ nâng cao NS, CL OCOP, Hỗ trợ DN	0	0	5	9	7,000	13,800	0,000	0,000	1,000	1,800	6,000	12,000
<b>III</b>	<b>Chương trình ứng dụng, chuyển giao, đổi mới công nghệ trong các ngành công nghiệp chủ đạo của tỉnh; ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ phát triển du lịch, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu</b>		<b>5</b>	<b>7</b>	<b>7</b>	<b>14</b>	<b>53,600</b>	<b>99,000</b>	<b>28,000</b>	<b>48,000</b>	<b>11,600</b>	<b>23,000</b>	<b>14,000</b>	<b>28,000</b>
1	Tăng cường năng lực đánh giá, thẩm định, lựa chọn công nghệ; nghiên cứu chế biến sâu trong lĩnh vực nông lâm thủy sản; nghiên cứu, thăm dò, khảo sát, đánh giá tiềm năng, nâng cao hiệu quả khai thác gắn với chế biến sâu các tài nguyên khoáng sản biển, khoáng sản biển sâu; hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp; đẩy mạnh ứng dụng KH,CN&ĐMST, phát triển các sản phẩm ngành tiểu thủ công nghiệp, làng nghề truyền thống có giá trị cao và gắn với phát triển du lịch.	KHCN cấp QG, cấp tỉnh, Khuyến công	2	3	3	6	29,800	51,500	15,000	22,000	4,800	9,500	10,000	20,000



STT	Tên Chương trình	Đề xuất theo các Chương trình	Số nhiệm vụ TW		Số nhiệm vụ ĐP		Tổng kinh phí thực hiện		Trong đó					
			Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa	SNKHTW		SNKHDP		Nguồn vốn khác	
									Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
2	Tiến hành các nghiên cứu liên ngành (nông nghiệp, văn hóa, công nghiệp,...) để phát triển các sản phẩm du lịch đặc trưng tỉnh Ninh Thuận; ứng dụng chuyển đổi số trong hoạt động du lịch thông minh, xúc tiến, quảng bá, quản lý khách du lịch; khuyến khích các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân nghiên cứu phát triển các sản phẩm du lịch đặc thù, sản phẩm du lịch mới lạ, sản phẩm du lịch bổ trợ mang nét đặc trưng riêng của tỉnh Ninh Thuận.	KHCN cấp QG, cấp tỉnh	1	2	1	2	7,800	15,500	4,000	8,000	0,800	1,500	3,000	6,000
3	Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng KH&CN tiên tiến, hiện đại trong công tác quản lý bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; nghiên cứu, điều tra đánh giá về nguồn lợi, hệ sinh thái; phục hồi, bảo vệ đa dạng sinh học tại Khu dự trữ sinh quyển thế giới Núi Chúa; các giải pháp tái sinh, phục hồi rừng, làm giàu rừng bảo tồn đa dạng sinh học, bảo đảm phát triển bền vững; triển khai các nhiệm vụ KH&CN về ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, tài nguyên và môi trường; phát triển các mô hình sản xuất ít phát thải khí nhà kính.	KHCN cấp QG, cấp tỉnh	2	2	3	6	16,000	32,000	9,000	18,000	6,000	12,000	1,000	2,000
IV	Nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn; chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cộng đồng;		2	2	4	6	20,000	30,500	10,000	14,500	6,000	9,000	4,000	7,000

STT	Tên Chương trình	Đề xuất theo các Chương trình	Số nhiệm vụ TW		Số nhiệm vụ ĐP		Tổng kinh phí thực hiện		Trong đó					
			Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa	SNKHTW		SNKHDP		Nguồn vốn khác	
									Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
1	Nghiên cứu các vấn đề về chuyển đổi mô hình kinh tế, mô hình nông thôn mới, các cơ chế chính sách quản lý phát triển kinh tế - xã hội (xóa đói, giảm nghèo; đào tạo nghề; giải quyết việc làm,...), xây dựng hệ thống chính trị; phục hồi, bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa phi vật thể đặc sắc có nguy cơ thất truyền; nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn các vấn đề về xây dựng đời sống văn hóa cơ sở; xây dựng gia đình văn hóa mới; ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật và công nghệ hiện đại trong sáng tạo, sản xuất, phổ biến, lưu giữ các sản phẩm văn hóa, nghệ thuật nhằm mở rộng khả năng tiếp cận, nâng cao nhận thức của người dân và cộng đồng.	Chương trình KHCN quốc gia, địa phương	1	1	2	3	6,000	8,500	4,000	5,500	2,000	3,000		
2	Nghiên cứu, ứng dụng một số bài thuốc y học dân tộc, thực phẩm chức năng; công nghệ mới chữa bệnh cho nhân dân và phục vụ cho du lịch chữa bệnh; nghiên cứu bảo tồn, phát triển các loại cây dược liệu tiềm năng trên địa bàn tỉnh hướng đến mục tiêu làm nguyên liệu sản xuất thuốc.	Chương trình KHCN quốc gia, địa phương	1	1	2	3	14,000	22,000	6,000	9,000	4,000	6,000	4,000	7,000
V	<b>Chương trình nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa, dịch vụ thương mại</b>	<b>Kế hoạch số 3483/KH-UBND</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>48,000</b>	<b>48,000</b>	<b>0,000</b>	<b>0,000</b>	<b>24,000</b>	<b>24,000</b>	<b>24,000</b>	<b>24,000</b>
1	Tăng cường công tác thông tin, truyền thông phổ biến về hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất và chất lượng; chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm, hướng dẫn doanh nghiệp áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng cơ bản; áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng đặc thù cho ngành, lĩnh vực và tiêu chuẩn về các hệ thống quản lý mới.		0	0	0	0	3,000	3,000	0,000	0,000	2,000	2,000	1,000	1,000

STT	Tên Chương trình	Đề xuất theo các Chương trình	Số nhiệm vụ TW		Số nhiệm vụ ĐP		Tổng kinh phí thực hiện		Trong đó					
			Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa	SNKHTW		SNKHDP		Nguồn vốn khác	
									Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
2	Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa; áp dụng thực hành nông nghiệp tốt (G.A.P); thực hành sản xuất nông nghiệp hữu cơ, năng suất xanh; ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số để thiết lập, tối ưu hóa, hiện đại hóa hệ thống quản trị doanh nghiệp; áp dụng tiêu chuẩn, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh; chứng nhận sản phẩm hàng hóa, chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm, môi trường, năng lượng; an toàn và sức khỏe nghề nghiệp và chứng nhận hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế.		0	0	0	0	40,000	40,000	0,000	0,000	20,000	20,000	20,000	20,000
3	Đào tạo nhân lực cho hoạt động nâng cao năng suất và chất lượng (chuyên gia về năng suất và chất lượng; năng lực thử nghiệm chất lượng, an toàn và sinh thái của sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu...).		0	0	0	0	5,000	5,000	0,000	0,000	2,000	2,000	3,000	3,000
VI	<b>Chương trình phát triển tài sản trí tuệ, bảo hộ sở hữu trí tuệ các sản phẩm hàng hóa, thương hiệu</b>	<b>Chiến lược SHTT (QĐ 2367/QĐ-UBND)</b>	0	0	0	0	63,080	63,080	11,300	11,300	27,780	27,780	24,000	24,000
1	Hướng dẫn doanh nghiệp, hiệp hội, hợp tác xã tạo dựng và khai thác hiệu quả các chỉ dẫn thương mại cho sản phẩm, dịch vụ; hỗ trợ đăng ký bảo hộ các chỉ dẫn địa lý tiềm năng cho các sản phẩm đặc thù; hỗ trợ đăng ký bảo hộ các đối tượng sở hữu trí tuệ		0	0	0	0	2,680	2,680	0,000	0,000	1,680	1,680	1,000	1,000

STT	Tên Chương trình	Đề xuất theo các Chương trình	Số nhiệm vụ TW		Số nhiệm vụ ĐP		Tổng kinh phí thực hiện		Trong đó					
			Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa	SNKHTW		SNKHDP		Nguồn vốn khác	
									Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
2	Hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển sản phẩm, dịch vụ có mức độ sử dụng tài sản trí tuệ cao, tạo ra các sản phẩm, dịch vụ có uy tín và chất lượng, thúc đẩy sản xuất hàng hóa có hàm lượng sở hữu trí tuệ cao; sử dụng công cụ sở hữu trí tuệ trong hoạt động sản xuất kinh doanh; khai thác, phân tích thông tin sáng chế phục vụ cho việc lựa chọn công nghệ phù hợp; tham gia mạng lưới chuyển giao công nghệ và sở hữu trí tuệ với các viện nghiên cứu, trường đại học trên cả nước; khuyến khích sử dụng các công nghệ đã hết thời hạn bảo hộ hoặc không được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam.		0	0	0	0	21,470	21,470	0,000	0,000	9,470	9,470	12,000	12,000
3	Hỗ trợ bảo vệ, khai thác tài sản trí tuệ, đặc biệt là đối với các sản phẩm đặc thù và sản phẩm tiềm năng hướng đến sản phẩm đặc thù của tỉnh; hỗ trợ kết nối cung cầu, hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá, giới thiệu sản phẩm nhằm quảng bá, tìm kiếm và mở rộng thị trường.		0	0	0	0	4,600	4,600	0,000	0,000	3,600	3,600	1,000	1,000
4	Tăng cường quản lý, khai thác, phát triển chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận đã được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và sản phẩm đã được chứng nhận OCOP gắn với đăng ký mã số vùng trồng, an toàn thực phẩm, chứng nhận chất lượng và xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm được bảo hộ; thúc đẩy phát triển các dịch vụ hỗ trợ về sở hữu trí tuệ.		0	0	0	0	34,330	34,330	11,300	11,300	13,030	13,030	10,000	10,000
<b>VII</b>	<b>Chương trình phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và doanh nghiệp KH&amp;CN</b>	<b>Kế hoạch 2461/KH-UBND</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>22,750</b>	<b>22,750</b>	<b>0,000</b>	<b>0,000</b>	<b>17,250</b>	<b>17,250</b>	<b>5,500</b>	<b>5,500</b>

STT	Tên Chương trình	Đề xuất theo các Chương trình	Số nhiệm vụ TW		Số nhiệm vụ ĐP		Tổng kinh phí thực hiện		Trong đó					
			Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa	SNKHTW		SNKHDP		Nguồn vốn khác	
									Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
1	Xây dựng Công thông tin khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh; kiện toàn Trung tâm Thông tin - Ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ Trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh		0	0	0	0	6,300	6,300	0,000	0,000	6,300	6,300	0,000	0,000
2	Tạo điều kiện, hỗ trợ các cá nhân, nhóm cá nhân có năng lực khoa học và công nghệ hoặc có khả năng khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới xúc tiến triển khai các đề án khởi lập doanh nghiệp đổi mới sáng tạo; duy trì, phát triển doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, công nhận doanh nghiệp KH&CN; kết nối, giới thiệu các nhà khởi nghiệp đổi mới sáng tạo với các quỹ phát triển KH&CN, quỹ đầu tư mạo hiểm, doanh nghiệp; Tổ chức đào tạo, tập huấn và thúc đẩy kết nối doanh nghiệp.		0	0	0	0	16,450	16,450	0,000	0,000	10,950	10,950	5,500	5,500
<b>VIII</b>	<b>Chương trình phát triển thị trường Khoa học và công nghệ</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>56,000</b>	<b>112,000</b>	<b>0,000</b>	<b>0,000</b>	<b>6,000</b>	<b>12,000</b>	<b>50,000</b>	<b>100,000</b>
1	Đánh giá nhu cầu công nghệ của doanh nghiệp, triển khai nhanh các cơ chế, chính sách của nhà nước thúc đẩy doanh nghiệp tham gia thị trường khoa học và công nghệ; chính sách thương mại hóa, đưa nhanh kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ vào sản xuất, kinh doanh.		0	0	0	0	1,000	2,000	0,000	0,000	1,000	2,000	0,000	0,000
2	Đẩy mạnh hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng, tìm kiếm, lựa chọn, tiếp nhận công nghệ; nhập khẩu, thu hút các công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch từ các nước phát triển, trước hết trong một số lĩnh vực công nghiệp/ngành hàng xuất khẩu chủ lực; thúc đẩy hợp tác doanh nghiệp - viện, trường theo hướng đặt hàng, chuyển giao công nghệ.	Hỗ trợ ĐMCN, hỗ trợ phát triển thị trường KH&CN	0	0	0	0	42,000	84,000	0,000	0,000	2,000	4,000	40,000	80,000

STT	Tên Chương trình	Đề xuất theo các Chương trình	Số nhiệm vụ TW		Số nhiệm vụ ĐP		Tổng kinh phí thực hiện		Trong đó					
			Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa	SNKHTW		SNKHDP		Nguồn vốn khác	
									Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa
3	Hỗ trợ thương mại hoá kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ; ưu tiên hỗ trợ các kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp chủ lực, nông nghiệp công nghệ cao, phục vụ yêu cầu phát triển vùng nông thôn, dân tộc; đẩy mạnh tổ chức và tham gia các sự kiện xúc tiến thị trường khoa học và công nghệ quy mô vùng, quốc gia và quốc tế; quảng bá thị trường khoa học công nghệ; lồng ghép, phối hợp với các sự kiện xúc tiến thương mại và đầu tư; hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có công nghệ mới công bố, trình diễn, giới thiệu, tham gia chợ, hội chợ công nghệ trong và ngoài nước.	Hỗ trợ ĐMCN, hỗ trợ phát triển thị trường KH&CN	0	0	0	0	11,500	23,000	0,000	0,000	1,500	3,000	10,000	20,000
4	Phát triển Trung tâm Thông tin - Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ của tỉnh thực hiện tốt chức năng hỗ trợ giao dịch, tìm kiếm kết nối cung-cầu công nghệ giữa các doanh nghiệp của tỉnh với các đối tác trong và ngoài nước.		0	0	0	0	1,500	3,000	0,000	0,000	1,500	3,000	0,000	0,000
<b>Tổng cộng:</b>			<b>15</b>	<b>25</b>	<b>28</b>	<b>56</b>	<b>439,130</b>	<b>779,630</b>	<b>94,300</b>	<b>163,800</b>	<b>113,330</b>	<b>184,330</b>	<b>231,500</b>	<b>431,500</b>